CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương

Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 01 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 37/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

2. Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,[1]

---

[1] Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,"

Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (sau đây gọi là nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt; nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, tổ chức, cá nhân khác có liên quan tới hoạt động quản lý, thực hiện, chuyển giao và ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp bộ là đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tập trung nghiên cứu giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ đòi hỏi tính ứng dụng cao và có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm của ngành công thương.

3. Đề án khoa học cấp bộ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm một hoặc một nhóm nội dung nhằm xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

4. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

5. Dự án khoa học và công nghệ cấp bộ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm một số đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm có sự gắn kết hữu cơ, đồng bộ được tiến hành trong một thời gian nhất định, nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ cho việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn; có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành công thương

---

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;".

hoặc một lĩnh vực thuộc ngành công thương; có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngành công thương.

6. Nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao cho các đơn vị, tổ chức trực thuộc Bộ Công Thương thực hiện các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ được quy định tại Điều 5, Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

7. Nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng cấp bộ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm bảo đảm hoạt động nghiên cứu thường xuyên của các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Bộ Công Thương, không bao gồm tổ chức khoa học và công nghệ đã chuyển đổi thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quy định trong điều lệ tổ chức và hoạt động hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ.

Điều 4. Phân loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp quốc gia;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư;

d) Dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển do Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương trực tiếp quản lý (sau đây gọi là nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Công Thương trực tiếp quản lý).

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

a) Đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ (sau đây gọi là đề tài);

b) Đề án khoa học cấp bộ (sau đây gọi là đề án);

c) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ;

d) Dự án khoa học và công nghệ cấp bộ;

đ) Chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ (sau đây gọi là chương trình);

e) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp bộ;

g) Nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng;

h) Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ cấp bộ (sau đây gọi là nhiệm vụ hợp tác quốc tế);

i) Nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ (sau đây gọi là nhiệm vụ thông tin);

k) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp bộ (sau đây gọi là nhiệm vụ quỹ gen);

l) Nhiệm vụ tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

m) Nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu, sửa chữa chống xuống cấp cho các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ Công Thương, bao gồm dự án tăng cường trang thiết bị và dự án sửa chữa xây dựng nhỏ.

Điều 5. Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (sau đây gọi là Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN).

2. Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Công Thương trực tiếp quản lý thực hiện theo các quy định riêng của từng chương trình, đề án, dự án do cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ được ghi như sau: ĐTKHCN.XXX/YY, ĐAKH.XXX/YY, DASXTN.XXX/YY, DAKHCN.XXX/YY, CTKHCN.XXX/YY, NVTN.XXX/YY, NVTXCN.XXX/YY, NVHTQT.XXX/YY, NVTT.XXX/YY, NVQG.XXX/YY, NVTCQC.XXX/YY, NVTCNL.XXX/YY.

Trong đó:

a) ĐTKHCN là ký hiệu chung cho các đề tài.

b) ĐAKH là ký hiệu chung cho các đề án khoa học cấp bộ.

c) DASXTN là ký hiệu chung cho các dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ.

d) DAKHCN là ký hiệu chung cho các dự án khoa học và công nghệ cấp bộ.

đ) CTKHCN là ký hiệu chung cho các chương trình.

e) NVTN là ký hiệu chung cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp bộ.

g) NVTXCN là ký hiệu chung cho các nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng.

h) NVHTQT là ký hiệu chung cho các nhiệm vụ hợp tác quốc tế.

i) NVTT là ký hiệu chung cho các nhiệm vụ thông tin.

k) NVQG là ký hiệu chung cho các nhiệm vụ quỹ gen.

l) NVTCQC là ký hiệu chung cho các nhiệm vụ tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

m) NVTCNL là ký hiệu chung cho các nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu, sửa chữa chống xuống cấp cho các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ Công Thương.

n) Nhóm XXX là nhóm 03 chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ghi trong Quyết định đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ của lãnh đạo Bộ Công Thương.

p) Nhóm YY là nhóm 02 chữ số ghi hai số cuối của năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

q) Giữa nhóm các chữ cái ký hiệu lĩnh vực với nhóm chữ số thứ tự các nhiệm vụ là dấu chấm; giữa nhóm chữ số thứ tự nhiệm vụ với nhóm chữ số ký hiệu năm bắt đầu thực hiện là dấu gạch chéo.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA VÀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DO BỘ CÔNG THƯƠNG TRỰC TIẾP QUẢN LÝ

Điều 6. Quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia

1. Việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Việc quản lý và tổ chức thực hiện các dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý dự án khoa học và công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia thực hiện theo các văn bản quản lý hoạt động các chương trình do cấp có thẩm quyền ban hành.

5. Trình tự, thủ tục xác định, xây dựng và hoàn thiện đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 7. Quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Công Thương trực tiếp quản lý

1. Việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Công Thương trực tiếp quản lý thực hiện theo các quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia hoặc theo các quy định quản lý hoạt động các chương trình, đề án, dự án do cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Thời gian đăng ký đề xuất đặt hàng, xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Công Thương trực tiếp quản lý thực hiện theo các quy định tại Thông tư này.

3. Định kỳ 06 tháng một lần hoặc theo yêu cầu đột xuất của Bộ Công Thương, ban chỉ đạo, ban điều hành các chương trình, đề án, dự án xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ Công Thương.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Mục 1

YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 8. Quy định chung về quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ [2]

1. Việc quản lý và tổ chức thực hiện các đề tài, đề án, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ, chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Chương III Thông tư này.

2. Đối với nhiệm vụ hợp tác quốc tế và nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ

a) Căn cứ quy định tại Điều 10, các đơn vị xây dựng hồ sơ đề xuất nhiệm vụ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này. Trên cơ sở hồ sơ đề xuất của đơn vị, Vụ Khoa học và Công nghệ tiến hành rà soát, tổng hợp và trình lãnh đạo Bộ phê duyệt nội dung và dự toán kinh phí của nhiệm vụ.

b) Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ của Bộ Công Thương, các tổ chức chủ trì triển khai nhiệm vụ theo nội dung đã được phê duyệt.

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

Riêng đối với nhiệm vụ thông tin, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định cụ thể như sau:

Với loại hình nhiệm vụ thông tin đơn thuần là hoạt động mua sắm, tăng cường máy móc, tài liệu, sách báo, tạp chí, nối mạng, bảo dưỡng thiết bị mạng, các tổ chức chủ trì không cần xây dựng thuyết minh và ký hợp đồng khoa học và công nghệ. Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ căn cứ vào quyết định giao và các đơn vị chịu trách nhiệm đảm bảo về hồ sơ chứng từ theo quy định.

Với các loại hình nhiệm vụ thông tin khác được quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ, các tổ chức chủ trì hoàn thiện hồ sơ thuyết minh theo mẫu B6e-TMNVTT-BCT và tổ chức ký hợp đồng theo quy định. Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng nội dung được giao và hợp đồng đã ký.

c) Việc tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 33 Thông tư này.

3. Đối với nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu, sửa chữa chống xuống cấp cho các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ Công Thương

a) Căn cứ quy định tại Điều 10, các đơn vị xây dựng hồ sơ đề xuất nhiệm vụ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này. Trên cơ sở hồ sơ đề xuất của đơn vị, Vụ Khoa học và Công nghệ tiến hành rà soát, thẩm định và trình lãnh đạo Bộ quyết định phê duyệt dự án tăng cường trang thiết bị và dự án sửa chữa xây dựng nhỏ. Nội dung dự án phê duyệt được tổng hợp chung vào kế hoạch khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương.

b) Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ của Bộ Công Thương, các tổ chức chủ trì triển khai nhiệm vụ theo nội dung đã được phê duyệt và theo các quy định hiện hành của Luật đấu thầu.

c) Việc tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 33 Thông tư này.

4. Đối với nhiệm vụ quỹ gen thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BKHCN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

5. Đối với nhiệm vụ tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 46/2014/TT-BCT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương.

6. Đối với nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, quy trình thủ tục đề xuất, phê duyệt nhiệm vụ, tổ chức triển khai và đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Việc đề xuất và phê duyệt nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng

Các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Bộ Công Thương căn cứ vào

chức năng, nhiệm vụ được Bộ trưởng Bộ Công Thương giao và các quy định tại Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN lập danh mục các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng theo biểu mẫu B1-ĐXKH-BCT trình Bộ Công Thương để xem xét, phê duyệt. Trên cơ sở hồ sơ đề xuất của đơn vị và căn cứ quy định tại Điều 2 Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN, Vụ Khoa học và Công nghệ tiến hành rà soát, tổng hợp và trình lãnh đạo Bộ Công Thương phê duyệt danh mục đặt hàng nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng theo hình thức giao trực tiếp.

b) Xây dựng và phê duyệt nội dung, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng

Việc xây dựng và phê duyệt nội dung, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN. Trong đó, Hội đồng tư vấn thẩm định nội dung, dự toán kinh phí được thành lập theo quy định tại Điều 20 Thông tư này và không có ủy viên phản biện.

c) Ký kết hợp đồng, tổ chức thực hiện và đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ

Sau khi được Bộ Công Thương phê duyệt quyết định đặt hàng thực hiện nhiệm vụ, các tổ chức được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện hợp đồng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN. Thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Công Thương, lãnh đạo các đơn vị có liên quan tổ chức ký hợp đồng theo quy định hiện hành. Các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng nội dung được giao và hợp đồng đã ký. Nhiệm vụ được xem xét nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định tại Điều 33 Thông tư này.

d) Chi tiết các quy định và biểu mẫu áp dụng trong việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN.

Điều 9. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung

a) Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển ngành công thương trong từng giai đoạn;

b) Phù hợp với chiến lược hoặc định hướng phát triển khoa học và công nghệ của ngành công thương trong từng giai đoạn;

c) Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển ngành công thương;

d) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện;

đ) Không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, các phát minh, sáng chế trong và ngoài nước đã được các cơ quan bảo hộ sở hữu trí tuệ công nhận;

e) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ phù hợp với khả năng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và các quy định về tài chính hiện hành.

2. Yêu cầu riêng đối với chương trình

a) Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ một trong định hướng lớn sau: phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực thuộc ngành công thương trong giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của ngành công thương;

b) Nội dung bao gồm những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với nhau về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực khoa học và công nghệ trong ngành công thương;

c) Các kết quả thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình;

d) Có thời gian thực hiện không quá 10 năm và tiến độ triển khai phù hợp với mục tiêu của chương trình;

3. Yêu cầu riêng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp bộ

a) Giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ đòi hỏi tính ứng dụng cao;

b) Có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm của ngành công thương.

4. Yêu cầu riêng đối với đề án

Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật có đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện chính sách phát triển của ngành công thương.

5. Yêu cầu riêng đối với đề tài

a) Xuất phát từ yêu cầu của thực tế sản xuất, phát triển ngành, lĩnh vực và đơn vị;

b) Có mục tiêu, nội dung nghiên cứu rõ ràng, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng phù hợp và tiên tiến;

c) Kết quả, sản phẩm nghiên cứu rõ ràng, định lượng; có địa chỉ ứng dụng cụ thể hoặc có văn bản cam kết phối hợp nghiên cứu hoặc tiếp nhận, ứng dụng kết quả nghiên cứu;

d) Giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp, khả thi và hiệu quả;

đ) Có khả năng huy động nguồn lực từ các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, các nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia thực hiện.

e) [3] Ưu tiên các đề tài gắn công tác nghiên cứu khoa học với nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và ban hành chính sách phục vụ sự phát triển của ngành Công Thương.

6. Yêu cầu riêng đối với dự án sản xuất thử nghiệm

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

c) Có phương án huy động kinh phí từ các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện;

d) Có thị trường tiêu thụ sản phẩm và khả năng phát triển thị trường sau khi kết thúc.

7. Yêu cầu riêng đối với dự án khoa học và công nghệ

a) Gắn với dự án đầu tư và giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ, làm chủ công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của ngành công thương;

b) Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư; có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực;

c) Có phương án tin cậy trong việc huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách và được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận tài trợ hoặc bảo đảm;

d) Tiến độ thực hiện phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư sản xuất; có thời gian thực hiện không quá 5 năm.

Mục 2

TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 10. Căn cứ để xây dựng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

1. Yêu cầu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Bộ Công Thương;

2. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân;

[3] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

3. Chiến lược, kế hoạch phát triển của Bộ Công Thương và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực do Bộ Công Thương quản lý;

4. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm của Bộ Công Thương;

5. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm và 5 năm của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công Thương.

Điều 11. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ [4]

1. Hàng năm, căn cứ quy định tại Điều 10 Thông tư này, các tổ chức, cá nhân xây dựng và gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ về Bộ Công Thương. Hồ sơ đề xuất bao gồm:

a) Văn bản đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ;

b) Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất theo mẫu B1-ĐXKH-BCT. Trường hợp đề xuất từ 02 nhiệm vụ trở lên trong cùng một loại hình nhiệm vụ phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về tính cấp thiết và khả thi của nhiệm vụ;

c) Phiếu đề xuất tương ứng với từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định cụ thể như sau:

Đề tài, đề án xây dựng theo mẫu B2a-PĐXĐT-BCT.

Dự án sản xuất thử nghiệm xây dựng theo mẫu B2b-PĐXDASX-BCT.

Dự án khoa học và công nghệ xây dựng theo mẫu B2c-PĐXDAKH-BCT. Các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm thuộc dự án khoa học và công nghệ xây dựng theo các mẫu tương ứng B2a-PĐXĐT-BCT, B2b-PĐXDASX-BCT.

Chương trình xây dựng theo mẫu B2d-PĐXCT-BCT. Các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ thuộc chương trình xây dựng theo các mẫu tương ứng B2a-PĐXĐT-BCT, B2b-PĐXDASX-BCT, B2c-PĐXDAKH-BCT.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp bộ tùy theo loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất là đề tài hay dự án khoa học và công nghệ xây dựng theo các mẫu tương ứng B2a-PĐXĐT-BCT, B2c-PĐXDAKH-BCT.

Nhiệm vụ hợp tác quốc tế xây dựng theo mẫu B2đ-PĐXHTQT-BCT.

Nhiệm vụ thông tin xây dựng theo mẫu B2e-PĐXNVTT-BCT.

Dự án tăng cường trang thiết bị và dự án sửa chữa xây dựng nhỏ lần lượt

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017

theo mẫu B2g-PĐXTCTTB-BCT, B2h-PĐXSCXDN-BCT, kèm theo tờ trình về việc xin phê duyệt dự án theo mẫu B25-TTDA-BCT và các văn bản liên quan khác (nếu có).

2. Phương thức gửi hồ sơ đề xuất

a) Qua đường bưu điện;

b) Nộp trực tiếp tại văn thư Bộ Công Thương;

c) Qua Hệ thống quản lý khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương.

3. Quy định về số lượng và định dạng hồ sơ

Đối với hồ sơ đề xuất gửi theo phương thức a và b, khoản 2, Điều này: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) đóng thành 01 tập, trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001) và 01 bản điện tử các tài liệu của bộ hồ sơ gốc theo định dạng Microsoft Word.

4. Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng đề xuất đặt hàng của Bộ Công Thương cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ theo những căn cứ quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều 10 Thông tư này.

Điều 12. Xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp bộ

1. Vụ Khoa học và Công nghệ[5] tổng hợp đề xuất của các tổ chức, cá nhân và đề xuất đặt hàng của Bộ Công Thương; tiến hành phân loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ theo nhóm lĩnh vực và các khối chuyên ngành, tổ chức xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp bộ.

2.[6] Việc xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp bộ đối với các loại hình nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 3 Điều 4 Thông tư này và được quy định cụ thể như sau:

a) Vụ Khoa học và Công nghệ xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ và cấp thiết của đề xuất;

b) Đối với đề xuất đáp ứng quy định, Bộ Công Thương tổ chức lấy ý kiến tư vấn thông qua hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia tư vấn độc lập để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ họp cho ý

[5] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

kiến về các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp Bộ để trình lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt.

Điều 13. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp bộ

1. Lãnh đạo Bộ Công Thương quyết định thành lập các hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp bộ theo chuyên ngành khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực đề xuất.

2. Thành phần hội đồng tư vấn

a)[7] Hội đồng tư vấn có từ 05 đến 09 thành viên, gồm 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 01 thư ký khoa học và các ủy viên hội đồng, trong đó:

Thành viên của hội đồng là đại diện các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu; là các nhà khoa học, các chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được giao tư vấn;

Thư ký khoa học của hội đồng tư vấn là cán bộ Vụ Khoa học và Công nghệ.

b) Trường hợp đặc biệt, do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của đề xuất, lãnh đạo Bộ Công Thương quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

3. Thư ký hành chính do Vụ Khoa học và Công nghệ[8] cử, có trách nhiệm giúp việc hội đồng tư vấn trong các công tác về hành chính.

4. Trách nhiệm của hội đồng tư vấn

a) Tư vấn giúp lãnh đạo Bộ Công Thương xác định, lựa chọn các đề xuất cần thực hiện;

b) Phân tích, đánh giá, kiến nghị sơ bộ về mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến và phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Thực hiện các quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

5. Nguyên tắc và phương thức làm việc của hội đồng tư vấn

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về tính khách quan, tính chính xác đối với những ý kiến tư vấn độc lập và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng. Các ý kiến kết

[7] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[8] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

luận của hội đồng được thông qua khi trên 2/3 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín;

b) Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch và thư ký khoa học. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo;

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp. Trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt thì phó chủ tịch hội đồng là người chủ trì phiên họp.

6. Trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng

a) Thư ký khoa học công bố quyết định thành lập hội đồng;

b) Đại diện Vụ Khoa học và Công nghệ[9] tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng;

c) Chủ tịch hội đồng điều khiển phiên họp. Trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt thì phó chủ tịch hội đồng điều khiển phiên họp;

d) Các thành viên hội đồng phân tích, đánh giá đề xuất theo các yêu cầu quy định tại Điều 9 Thông tư này và nội dung thảo luận theo quy định tại khoản 1, 3, 5 Điều 19; khoản 1, Điều 20; khoản 1, 3 Điều 21; khoản 1, 3, 4 Điều 22, Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

đ) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu bao gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban;

e) Các thành viên hội đồng bỏ phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu B4a-PĐGĐX-BCT. Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp theo mẫu B4b-BBKPĐGĐX-BCT;

g) Những đề xuất được "đề nghị thực hiện" phải được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt đồng ý và số thành viên này bảo đảm không ít hơn 1/2 tổng số thành viên của hội đồng;

h) Đối với các nhiệm vụ được đề nghị thực hiện, hội đồng trao đổi, thảo luận cụ thể để biểu quyết thống nhất về tên nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến, phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp);

i) Đối với các nhiệm vụ đề nghị không thực hiện, hội đồng thảo luận cụ thể để biểu quyết thống nhất về lý do đề nghị không thực hiện;

k) Trong trường hợp chưa đưa ra được kết luận cuối cùng, hội đồng lập biên bản báo cáo Bộ Công Thương xem xét, quyết định;

---

[9] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

l) Thư ký khoa học lập biên bản làm việc của hội đồng theo mẫu B4c-BBXĐDM-BCT.

Điều 14. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp bộ [10]

1. Sau khi có kết quả làm việc của hội đồng, Vụ Khoa học và Công nghệ[11] rà soát trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng. Trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương lấy ý kiến tư vấn bổ sung của các chuyên gia tư vấn độc lập hoặc thành lập hội đồng tư vấn khác để xác định lại nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trên cơ sở kết quả rà soát, Vụ Khoa học và Công nghệ trình lãnh đạo Bộ Công Thương phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp bộ.

2. Căn cứ số lượng nhiệm vụ đề xuất và thời gian quy định cho từng năm kế hoạch, danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp bộ được phê duyệt theo đợt.

Điều 15. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đột xuất do lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Công Thương giao.

1. Khi phát sinh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất do lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ hoặc Bộ Công Thương giao, các đơn vị được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (văn bản giao nhiệm vụ, công văn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì, đề cương nghiên cứu, sản phẩm dự kiến và dự toán kinh phí thực hiện) về Vụ Khoa học và Công nghệ để trình lãnh đạo Bộ Công Thương quyết định đặt hàng thực hiện nhiệm vụ theo phương thức giao trực tiếp.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ đột xuất phục vụ công tác quản lý nhà nước được ưu tiên thực hiện trước các nhiệm vụ khác. Quy trình phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất được tiến hành ngay khi có yêu cầu, không phụ thuộc kế hoạch khoa học và công nghệ của năm. Vụ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm làm việc với các cơ quan liên quan để ưu tiên phân bổ kinh phí sau khi thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt.

Mục 3

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 16. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

---

[10] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017

[11] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ thực hiện theo phương thức tuyển chọn: Bộ Công Thương công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ để tuyển chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

2. [12] Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ thực hiện theo hình thức giao trực tiếp:

a) Với các nhiệm vụ do đơn vị đề xuất và được Bộ Công Thương phê duyệt danh mục đầu bài, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức được Bộ chỉ định giao trực tiếp.

b) Với các nhiệm vụ do Bộ Công Thương đặt hàng, Bộ Công Thương gửi danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp Bộ đến các cơ quan, tổ chức được Bộ chỉ định giao trực tiếp.

Điều 17. Nguyên tắc và điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

1. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3, Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN).

2. Các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4, Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ thực hiện theo hình thức giao trực tiếp chỉ áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ Công Thương.

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ thực hiện theo hình thức tuyển chọn áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài Bộ Công Thương đáp ứng các điều kiện được nêu tại khoản 2 Điều này.

5. ***(Được bãi bỏ)***[13]

Điều 18. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, hồ sơ giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

1. Tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, hồ sơ giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, bao gồm:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo mẫu B7-DONTC-BCT;

---

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[13] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

b) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu B8-LLTC-BCT. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân đã và đang chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Bộ Công Thương giao, tổ chức, cá nhân gửi kèm báo cáo đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu B5-BCĐG-BCT.

c)[14] Thuyết minh tương ứng với từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định cụ thể như sau:

Mẫu B6a-TMĐT-BCT áp dụng cho đề tài;

Mẫu B6b-TMĐA-BCT áp dụng cho đề án;

Mẫu B6c-TMDASX-BCT áp dụng cho dự án sản xuất thử nghiệm;

Đối với dự án khoa học và công nghệ, trên cơ sở thuyết minh các nhiệm vụ thuộc dự án khoa học và công nghệ, tổ chức đăng ký chủ trì xây dựng thuyết minh tổng quát dự án khoa học và công nghệ theo mẫu B6d-TMDAKH-BCT;

Mẫu B6đ-TMCT-BCT áp dụng cho chương trình;

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp bộ, tùy theo loại hình nhiệm vụ đăng ký là đề tài hay dự án khoa học và công nghệ áp dụng theo các mẫu thuyết minh tương ứng B6a-TMĐT-BCT, B6d-TMDAKH-BCT.

Mẫu B6e-TMNVTT-BCT áp dụng cho nhiệm vụ thông tin.

d) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký tham gia nghiên cứu chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo mẫu B9-LLCN-BCT;

đ) Văn bản xác nhận của đơn vị đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu B10-PHTH-BCT (nếu có);

e) Văn bản pháp lý chứng minh năng lực huy động vốn từ nguồn khác (nếu có);

g) Văn bản cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước đạt ít nhất 70% tổng kinh phí đầu tư (đối với dự án sản xuất thử nghiệm);

h) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung mua sắm, thuê tài sản, trang thiết bị, nguyên vật liệu).

2. Bộ hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài: Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Liệt kê tài liệu, văn bản có trong hồ sơ.

---

[14] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

3.[15] Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 07 bản sao đóng thành từng tập, trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN 6909:2001) và 01 bản điện tử các tài liệu của bộ hồ sơ gốc các tài liệu của bộ hồ sơ gốc ghi trên đĩa quang theo định dạng Microsoft Word.

4.[16] Thời hạn nộp hồ sơ:

a) Đối với các nhiệm vụ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16: thời gian nộp hồ sơ theo quy định tại thông báo của Bộ Công Thương trên cổng thông tin điện tử của Bộ.

b) Đối với các nhiệm vụ thuộc trường hợp quy định tại mục a Khoản 2 Điều 16: thời hạn nộp hồ sơ theo quy định tại văn bản thông báo của Bộ Công Thương.

c) Đối với các nhiệm vụ thuộc trường hợp quy định tại mục b Khoản 2 Điều 16: cơ quan, tổ chức chủ động thời gian nộp hồ sơ.

d) Ngày nhận hồ sơ là ngày đóng dấu Bưu điện Hà Nội (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc là ngày đóng dấu đến của văn thư Bộ Công Thương. Đối với trường hợp đơn vị đăng ký là các đơn vị trong Bộ và gửi theo đường công văn nội bộ, ngày nhận hồ sơ là ngày văn thư của Vụ Khoa học và Công nghệ nhận được công văn.

đ) Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã nộp. Hồ sơ sau khi thay mới hoặc sửa đổi, bổ sung phải nộp đúng thời hạn nộp hồ sơ theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này. Văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

Điều 19. Mở và kiểm tra xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, hồ sơ giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ[17]

1. Đại diện Vụ Khoa học và Công nghệ và đại diện của các bên liên quan (nếu có) tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ. Thời gian mở hồ sơ được quy định như sau:

a) Đối với các nhiệm vụ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16: trong thời hạn 15 ngày làm việc tính từ thời điểm kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký.

---

[15] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017

[16] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017

[17] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017

b) Đối với các nhiệm vụ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16: mở ngay sau khi nhận được hồ sơ đăng ký.

2. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 17 và Điều 18 Thông tư này.

Điều 20. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

1. Lãnh đạo Bộ Công Thương quyết định thành lập hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

a)[18] Hội đồng có từ 05 đến 09 thành viên, bao gồm 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 01 thư ký khoa học và các ủy viên hội đồng, trong đó:

2/3 là các chuyên gia có trình độ, chuyên môn phù hợp với chuyên ngành khoa học được giao tư vấn;

1/3 là đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan quản lý khoa học, tổ chức sản xuất kinh doanh thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ và các tổ chức khác có liên quan;

Thư ký khoa học của hội đồng tư vấn là cán bộ Vụ Khoa học và Công nghệ.

b) Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của đề xuất, lãnh đạo Bộ Công Thương quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

2. Thư ký hành chính do Vụ Khoa học và Công nghệ[19] cử, có trách nhiệm giúp việc hội đồng trong các công tác về hành chính.

3. Các chuyên gia, các ủy viên đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ được ưu tiên mời tham gia hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ tương ứng.

4. Trách nhiệm của hội đồng

a) Nghiên cứu, phân tích nội dung, thông tin trong hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định;

b) Chấm điểm độc lập theo các nhóm tiêu chí đánh giá và thang điểm quy định;

---

[18] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017

[19] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

c) Kiến nghị phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Nguyên tắc làm việc của hội đồng

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về tính khách quan, tính chính xác đối với những ý kiến tư vấn độc lập và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng;

b) Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch và thư ký khoa học. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo;

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp. Trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt thì phó chủ tịch hội đồng là người chủ trì phiên họp;

d) Các thành viên hội đồng, chuyên gia (nếu có) và thư ký hành chính hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp.

Điều 21. Trình tự, nội dung làm việc của hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và các nguyên tắc đánh giá, chấm điểm, xếp loại hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp[20]

1. Thư ký khoa học đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Đại diện Vụ Khoa học và Công nghệ tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng.

3. Hội đồng trao đổi thống nhất về phương thức làm việc.

4. Hội đồng tiến hành đánh giá các hồ sơ tham gia tuyển chọn, hồ sơ giao trực tiếp

a) Các ủy viên trình bày ý kiến nhận xét đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng xem xét, tham khảo;

c) Hội đồng thảo luận, đánh giá hồ sơ:

Hội đồng tiến hành thảo luận, phân tích hồ sơ theo các tiêu chí quy định. Sau khi trao đổi, các thành viên hội đồng nhận xét, đánh giá và cho điểm từng hồ sơ tương ứng với từng loại hình nhiệm vụ theo các quy định cụ thể sau:

Mẫu B12a-PĐGĐT-BCT áp dụng cho đề tài;

Mẫu B12b-PĐGĐA-BCT áp dụng cho đề án;

Mẫu B12c-PĐGDASX-BCT áp dụng cho dự án sản xuất thử nghiệm;

---

[20] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017

Đối với dự án khoa học và công nghệ, căn cứ trên kết quả đánh giá, thẩm định các nhiệm vụ thuộc dự án khoa học và công nghệ, hội đồng trao đổi, cho ý kiến hoàn thiện thuyết minh tổng quát dự án khoa học và công nghệ;

Mẫu B12d-PĐGCT-BCT áp dụng cho chương trình;

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp bộ, tùy theo loại hình nhiệm vụ đăng ký là đề tài hay dự án khoa học và công nghệ áp dụng các mẫu phiếu đánh giá tương ứng B12a-PĐGĐT-BCT, B12d-PĐGDAKH-BCT.

5. Tổng hợp kết quả đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp

a) Thư ký khoa học tổng hợp và báo cáo hội đồng kết quả kiểm phiếu theo mẫu B13-BBKPĐG-BCT;

b) Đối với hồ sơ tham gia tuyển chọn, hội đồng xếp hạng các hồ sơ được đánh giá có tổng số điểm trung bình từ cao xuống thấp theo các nguyên tắc sau đây:

Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì điểm cao hơn của chủ tịch hội đồng (hoặc điểm của phó chủ tịch hội đồng, trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng;

Trường hợp điểm của chủ tịch hội đồng (hoặc điểm của phó chủ tịch hội đồng, trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt) đối với các hồ sơ bằng nhau và hội đồng xếp hạng bằng nhau thì hội đồng kiến nghị phương án lựa chọn.

6. Hội đồng thông qua biên bản về kết quả làm việc của hội đồng

a) Đối với hồ sơ tham gia tuyển chọn:

Tổ chức, cá nhân được hội đồng đề nghị thực hiện là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình cao nhất theo các nguyên tắc quy định tại điểm b, khoản 5 Điều này và có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí phải đạt tối thiểu 70/100, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá không điểm (0 điểm).

Đối với những hồ sơ được đề nghị thực hiện, hội đồng có ý kiến thẩm định về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương tổ chức lấy ý kiến thông qua tổ thẩm định kinh phí được quy định tại Điều 22 Thông tư này.

b) Đối với hồ sơ xét giao trực tiếp:

Hồ sơ được hội đồng đề nghị thực hiện là hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí đạt tối thiểu 70/100; trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá không điểm (0 điểm).

Đối với những hồ sơ được đề nghị thực hiện, hội đồng có ý kiến thẩm định về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương tổ chức lấy ý kiến thông qua tổ thẩm định kinh phí được quy định tại Điều 22 Thông tư này.

c) Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các sản phẩm khoa học và

công nghệ chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt; số nhân lực, số công lao động theo các chức danh thực hiện công việc của từng nội dung; số lượng chuyên gia trong nước và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện; phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

d) Thư ký khoa học của hội đồng lập biên bản làm việc theo mẫu B14a-BBTCĐTDA-BCT.

Điều 22. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1.[21] Hình thức thẩm định kinh phí thông qua tổ thẩm định áp dụng trong trường hợp cần thiết đối với hồ sơ của các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp và đã được hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp đề nghị thực hiện. Hồ sơ để tổ thẩm định xem xét là hồ sơ đã được tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, hoàn thiện về mặt nội dung trên cơ sở ý kiến tư vấn của hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

2. Trách nhiệm của tổ thẩm định kinh phí

a) Thẩm định sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của hội đồng, dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia trong/ngoài nước; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện;

b) Tổ thẩm định thảo luận chung để kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm tra, xác minh phần kinh phí đối ứng (ngoài ngân sách nhà nước) của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

c) Tổ thẩm định có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Bộ Công Thương và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết phát sinh trong quá trình xem xét hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với những trường hợp sau:

Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được chỉnh sửa sau khi họp hội đồng có sự thay đổi về mục tiêu, nội dung so với quyết định danh mục đặt hàng đã được phê duyệt hoặc kết luận của hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp;

Không thống nhất ý kiến giữa tổ thẩm định và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ về kinh phí thực hiện;

[21] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

Thành viên tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến.

3. Thành phần tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ (sau đây gọi là tổ thẩm định) có 03 thành viên, trong đó:

a)[22] Tổ trưởng tổ thẩm định là lãnh đạo Vụ Khoa học và Công nghệ;

b) 01 thành viên là uỷ viên của hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ (ưu tiên chủ tịch, phó chủ tịch);

c) 01 thành viên là đại diện cơ quan quản lý tài chính của Bộ Công Thương;

d) Tùy theo yêu cầu thực tiễn, tổ trưởng tổ thẩm định có thể mời thêm đại diện các tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp của tổ thẩm định.

4. Trình tự làm việc của tổ thẩm định kinh phí

a) Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập tổ thẩm định, giới thiệu thành phần tổ thẩm định và các đại biểu tham dự, đọc những kết luận chính của hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tại phiên họp đánh giá hồ sơ.

b) Tổ trưởng tổ thẩm định nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Tổ thẩm định căn cứ vào trách nhiệm được giao quy định tại khoản 2 Điều này nêu ý kiến thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ được mời trình bày trước tổ thẩm định những vấn đề cần có sự trao đổi, làm rõ.

d) Thư ký hành chính giúp tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định kinh phí theo mẫu B15-BBTĐNV-BCT.

Điều 23. Rà soát kết quả làm việc của các hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và tổ thẩm định

1. Sau khi có kết quả làm việc của các hội đồng và tổ thẩm định, Vụ Khoa học và Công nghệ[23] xem xét, rà soát kết quả tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ. Trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương tổ chức lấy thêm ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại Điều 24 Thông tư này.

2. Căn cứ kết quả rà soát và ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập (nếu có), Bộ Công Thương có thể đề nghị hội đồng xem xét lại hoặc tổ chức hội

[22] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[23] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

đồng mới để tư vấn đánh giá đối với các hồ sơ có kết quả đánh giá chưa hợp lý; kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 24. Lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Vụ Khoa học và Công nghệ[24] trình lãnh đạo Bộ Công Thương quyết định lựa chọn 01 đến 02 chuyên gia độc lập để lấy ý kiến tư vấn về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Vụ Khoa học và Công nghệ[25] tổ chức giao hồ sơ cho các chuyên gia độc lập để thực hiện việc đánh giá lại hồ sơ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp. Thời gian đánh giá hồ sơ tối đa 15 ngày kể từ khi nhận hồ sơ.

3. Chuyên gia độc lập có ý kiến tư vấn bằng văn bản sau khi đánh giá các hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Chuyên gia độc lập làm việc độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nhận xét, đánh giá và kết luận của mình.

Điều 25. Phê duyệt danh mục và dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ [26]

1. Căn cứ kết quả làm việc của các hội đồng, ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập (nếu có), Vụ Khoa học và Công nghệ[27] thông báo cho các tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ để chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ.

2. Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ đã trúng tuyển chọn, giao trực tiếp có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của hội đồng, tổ thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

---

[24] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[25] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[26] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017

[27] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

3. Căn cứ việc rà soát kết quả làm việc của các hội đồng, ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập (nếu có), Vụ Khoa học và Công nghệ trình lãnh đạo Bộ Công Thương quyết định phê duyệt danh mục, nội dung và dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ.

Điều 26. Điều chỉnh danh mục và dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

1.[28] Căn cứ vào thông báo của Bộ Tài chính về phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ và thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về nội dung kế hoạch khoa học và công nghệ, Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức rà soát, cân đối kinh phí và điều chỉnh danh mục và dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình lãnh đạo Bộ Công Thương phê duyệt quyết định đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ.

Mục 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 27. Hợp đồng đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, i, khoản 3, Điều 4 Thông tư này tổ chức xây dựng hợp đồng đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 27 và Điều 28 Thông tư này.

2.[29] Hợp đồng đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ (sau đây gọi là hợp đồng) được ký kết giữa bên đặt hàng (bên A) do lãnh đạo Vụ Khoa học và Công nghệ thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Công Thương làm đại diện và bên nhận đặt hàng (bên B) là các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ được phê duyệt.

3. Đối với trường hợp đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là các đơn vị thuộc Bộ không có con dấu, tài khoản riêng hoặc các cơ quan, đơn vị không phải là đơn vị dự toán trực thuộc Bộ, kinh phí thực hiện được cấp qua Văn phòng Bộ thì Văn phòng Bộ cùng đứng tên trong hợp đồng ký với các đơn vị với tư cách là chủ tài khoản.

4. Hợp đồng được soạn thảo theo mẫu B16a-HĐKHCN-BCT.

---

[28] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017

[29] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

5. Tổ chức ký hợp đồng

a)[30] Trong thời gian 45 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương phê duyệt quyết định đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải hoàn thiện thủ tục để ký hợp đồng theo quy định. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nêu trên không hoàn thiện thủ tục để ký hợp đồng, Bộ Công Thương sẽ xem xét hủy bỏ quyết định đặt hàng đối với các tổ chức, cá nhân này.

b) Thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Công Thương, lãnh đạo các đơn vị có liên quan trong hợp đồng được quy định tại các khoản 2, 3 Điều này tổ chức ký hợp đồng theo đúng quy định hiện hành.

6. Ban hành hồ sơ hợp đồng

a) Sau khi hợp đồng được ký duyệt, chuyên viên của Vụ Khoa học và Công nghệ[31] được phân công theo dõi đơn vị lấy số, dấu, ghi ngày tháng và gửi tới các đơn vị để triển khai thực hiện;

b) Đối với các nhiệm vụ cấp kinh phí trực tiếp đến đơn vị chủ trì: Hồ sơ của mỗi nhiệm vụ được giao lập 06 bộ, trong đó 04 bộ gửi trả đơn vị được giao nhiệm vụ, 01 bộ lưu giữ ở Vụ Khoa học và Công nghệ[32] và 01 bộ chuyên viên được phân công theo dõi đơn vị giữ;

c) Đối với các nhiệm vụ cấp kinh phí qua Văn phòng Bộ: Hồ sơ của mỗi nhiệm vụ được giao lập 08 bộ; trong đó 04 bộ gửi trả đơn vị được giao nhiệm vụ, 02 bộ gửi Văn phòng Bộ để theo dõi và thực hiện các thủ tục cấp kinh phí và 01 bộ lưu giữ ở Vụ Khoa học và Công nghệ[33] và 01 bộ chuyên viên được phân công theo dõi đơn vị giữ.

Điều 28. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ[34]

---

[30] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[31] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[32] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[33] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[34] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ

a) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng. Trường hợp khác do lãnh đạo Bộ Công Thương quyết định.

b) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

c) Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

d) Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, quyết định điều chỉnh trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ và ý kiến của Vụ Khoa học và Công nghệ.

2. Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ

a) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Không được phép điều chỉnh.

b) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần: Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, quyết định điều chỉnh trên cơ sở báo cáo giải trình của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Điều chỉnh nội dung của nhiệm vụ

a) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Thủ trưởng Tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động điều chỉnh nội dung nhiệm vụ và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình.

b) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ phải có văn bản báo cáo Bộ Công Thương. Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, quyết định việc điều chỉnh nội dung đối với từng trường hợp cụ thể.

4. Trường hợp không phải điều chỉnh tổng dự toán, việc điều chỉnh dự toán chi tiết thực hiện cụ thể như sau:

a) Đối với phần kinh phí được giao khoán: thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 10 Thông tư số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Đối với phần kinh phí không được giao khoán: thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 10 Thông tư số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ

Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

a) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có văn bản báo cáo Bộ Công Thương và được quyền chủ động thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

Chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn trên 03 tháng liên tục;

Chủ nhiệm nhiệm vụ chuyển công tác sang đơn vị khác hoặc nghỉ việc;

Chủ nhiệm nhiệm vụ bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ(có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc xác nhận của cơ quan y tế);

Chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong; mất tích trên 03 tháng;

Chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao;

Chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác;

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có sự thay đổi về phân công nhiệm vụ nhân sự.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu về năng lực chuyên môn và tuân thủ các quy định hiện hành để tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ.

6. Thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ

a) Việc thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ áp dụng trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sát nhập, chia tách, giải thể tổ chức chủ trì nhiệm vụ và các trường hợp khác không trái quy định của pháp luật.

b) Lãnh đạo Bộ Công Thương ban hành quyết định điều chỉnh tổ chức chủ trì nhiệm vụ trên cơ sở văn bản báo cáo của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

7. Điều chỉnh khác đối với các nhiệm vụ

a) Điều chỉnh mua sắm nguyên, vật liệu: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động quyết định điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại nguyên vật liệu mua bằng ngân sách nhà nước và không làm tăng tổng kinh phí chi cho mục nguyên vật liệu đã được phê duyệt. Sau điều chỉnh, việc mua sắm nguyên vật liệu thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ đã được phê duyệt. Việc thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế.

c) Điều chỉnh đoàn ra:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động điều chỉnh nội dung, thời điểm và thời gian tổ chức đoàn ra phù hợp với thực tế, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ;

Trường hợp điều chỉnh nước đến, số lượng người tham gia đoàn ra cần có

ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương;

Mọi trường hợp điều chỉnh đoàn ra không được tăng tổng kinh phí chi cho mục đoàn ra đã được phê duyệt.

d) Điều chỉnh mua sắm thiết bị, máy móc: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ phải có văn bản báo cáo Bộ Công Thương. Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, quyết định việc điều chỉnh đối với từng trường hợp cụ thể.

đ) Điều chỉnh dự toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước: Tổ chức chủ trì được phép chủ động điều chỉnh các nội dung và kế hoạch chi nhưng không được giảm tổng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước đã được phê duyệt và đảm bảo đúng tỷ lệ quy định giữa ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí đối ứng của đơn vị (trong trường hợp có yêu cầu về nguồn vốn đối ứng).

e) Điều chỉnh khác đối với các nội dung không quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 7 Điều này do Lãnh đạo Bộ Công Thương quyết định.

8. Các văn bản liên quan đến việc điều chỉnh là một bộ phận cấu thành của hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 29. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

1. Việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ thực hiện theo quy định sau:

a) Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ như quy định tại điểm a, b, c, d, e, i khoản 3 Điều 4 Thông tư này, sau khi nhận được hồ sơ hợp đồng đã ký, các đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, kinh phí đã được phê duyệt và các quy định hiện hành;

b) Đối với chương trình, việc tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình tuân thủ theo các quy định riêng (nếu có) của từng chương trình và các quy định tại Thông tư này;

c) Đối với nhiệm vụ hợp tác quốc tế, căn cứ theo quyết định đặt hàng của Bộ Công Thương, các tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện triển khai nhiệm vụ theo đúng nội dung đã được đặt hàng;

d) Đối với dự án sửa chữa xây dựng nhỏ và dự án tăng cường trang thiết bị tổ chức thực hiện theo các quy định tại Điều 30, Điều 31 Thông tư này.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ kinh phí cấp qua Văn phòng Bộ, Vụ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Văn phòng Bộ hướng dẫn đơn vị giải ngân kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng quy định hiện hành. Bảng kê tạm ứng kinh phí thực hiện theo mẫu B26-TUKP-BCT; Bảng xác nhận khối lượng công việc đã hoàn thành theo mẫu B27-KLCV-BCT; Bảng kê chứng từ thanh toán thực hiện theo mẫu B28-BKTT-BCT.

Điều 30. Tổ chức thực hiện dự án sửa chữa xây dựng nhỏ

1. Xây dựng và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật của công trình

Căn cứ kế hoạch sử dụng kinh phí được giao trong quyết định đặt hàng của Bộ Công Thương, các đơn vị lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật của công trình xây dựng trình lãnh đạo Bộ Công Thương phê duyệt. Nội dung của báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật của công trình

a) Thời gian điều chỉnh: Thực hiện trong năm tài chính;

b) Khi việc điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật của công trình xây dựng làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải báo cáo Bộ Công Thương; trường hợp điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, không vượt tổng mức đầu tư thì thủ trưởng tổ chức chủ trì được tự quyết định. Những nội dung điều chỉnh dự án phải được thẩm định trước khi quyết định.

3. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch đấu thầu

a) Kế hoạch đấu thầu được phê duyệt đồng thời với phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của công trình xây dựng;

b) Thủ trưởng tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm phê duyệt hồ sơ mời thầu; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu theo quy định.

4. Quản lý chất lượng công trình xây dựng sửa chữa nhỏ và nghiệm thu

a) Thủ trưởng tổ chức chủ trì thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng và tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo quy định hiện hành;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra việc nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng để báo cáo lãnh đạo Bộ theo quy định.

Điều 31. Tổ chức thực hiện dự án tăng cường trang thiết bị

1. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm trang thiết bị

a) Căn cứ quyết định đặt hàng của Bộ Công Thương, tổ chức chủ trì xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm trang thiết bị trình lãnh đạo Bộ Công Thương phê duyệt;

b) Thủ trưởng tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm phê duyệt hồ sơ mời thầu; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu theo đúng các quy định hiện hành.

2. Ký kết hợp đồng, kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện

Căn cứ kết quả thầu, tổ chức chủ trì và đơn vị trúng thầu hoặc đơn vị được lựa chọn theo hình thức chỉ định thầu tiến hành ký kết hợp đồng. Việc kiểm tra giám sát, thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng của từng gói thầu dựa trên số lượng và khối lượng thực chi theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 32. Báo cáo, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

1.[35] Định kỳ vào tuần cuối cùng của kỳ báo cáo 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc khi có yêu cầu đột xuất từ Bộ Công Thương, các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ báo cáo Bộ Công Thương (Vụ Khoa học và Công nghệ) bằng văn bản theo phương thức gửi trực tiếp, qua hệ thống thư điện tử, dịch vụ bưu chính về tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu B17-BCĐK-BCT ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong trường hợp cần thiết, Vụ Khoa học và Công nghệ[36] tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện các nhiệm vụ để kiến nghị lãnh đạo Bộ chỉ đạo giải quyết các kiến nghị, khó khăn trong quá trình thực hiện. Biên bản kiểm tra được lập theo mẫu B18-BBKT-BCT và là bộ phận cấu thành trong hồ sơ đánh giá nghiệm thu kết quả hàng năm.

3. Kinh phí kiểm tra lấy từ nguồn kinh phí quản lý các hoạt động khoa học công nghệ được giao cho Bộ Công Thương hàng năm. Đối với các chương trình, đề án, kinh phí kiểm tra lấy từ nguồn kinh phí hoạt động của ban điều hành các chương trình, đề án.

Mục 5

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 33. Nguyên tắc, phương thức và nội dung đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ[37]

1. Nguyên tắc đánh giá nghiệm thu

a) Căn cứ vào hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã ký kết và các nội dung đánh giá được quy định tại Thông tư này;

b) Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu;

c) Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

2. Phương thức đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

---

[35] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 9 của Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

[36] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[37] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e khoản 3 Điều 4 Thông tư này, trình tự đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 34 Thông tư này.

b) Đối với chương trình và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình, việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Đối với nhiệm vụ hợp tác quốc tế và nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ, việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 4 Điều này.

d) Đối với dự án tăng cường trang thiết bị, dự án sửa chữa xây dựng nhỏ, việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Đối với chương trình và nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình

a) Trình tự thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình theo các quy định tại Thông tư này.

b) Việc đánh giá chương trình được thực hiện qua ba giai đoạn: đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá sau kết thúc

Ban chủ nhiệm chương trình chủ trì đánh giá kết quả hoạt động chương trình vào giữa kỳ kế hoạch và báo cáo lãnh đạo Bộ Công Thương kết quả đánh giá;

Khi kết thúc chương trình, chủ nhiệm chương trình hoàn thiện báo cáo tổng kết chương trình gửi Bộ Công Thương theo mẫu B34-BCTKCT-BCT. Bộ Công Thương chủ trì tổ chức đánh giá hoạt động chương trình khi kết thúc thực hiện và sau khi chương trình đã kết thúc thực hiện.

4. Đối với nhiệm vụ hợp tác quốc tế và nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao, tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm gửi Bộ Công Thương báo cáo chi tiết về các nội dung đã thực hiện, trong đó nêu rõ mục tiêu, nội dung và các kết quả thu được sau khi triển khai thực hiện nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương đánh giá, xem xét quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở kế hoạch đã giao và các quy định hiện hành, tổng hợp vào báo cáo chung đánh giá thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm. Trường hợp tổ chức chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế và nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ không đúng theo nội dung quyết định đã giao, Bộ Công Thương thực hiện xử lý vi phạm theo quy định hiện hành, đồng thời xem xét không giao nhiệm vụ này cho các tổ chức này trong năm tiếp theo.

5. Đối với nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu, sửa chữa chống xuống cấp, việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện như sau:

a) Sau khi hoàn thành các hạng mục của dự án, tổ chức chủ trì nhiệm vụ tổng hợp hồ sơ theo quy định tại điểm b Khoản này để chuẩn bị cho việc đánh giá, nghiệm thu.

b) Hồ sơ đề nghị nghiệm thu bao gồm: Văn bản đề nghị đánh giá nghiệm thu cấp bộ của tổ chức chủ trì; Quyết định phê duyệt đặt hàng thực hiện nhiệm vụ của lãnh đạo Bộ Công Thương; Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu và báo cáo kinh tế - kỹ thuật của công trình; Hồ sơ lựa chọn thầu của các gói thầu; Biên bản nghiệm thu, thanh lý, quyết toán các gói thầu; Các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến quá trình triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành; Báo cáo sơ bộ về hiệu quả đầu tư của dự án.

c) Hội đồng nghiệm thu có thành phần và nguyên tắc làm việc như các quy định tại các khoản 4 và khoản 5, Điều 34 Thông tư này. Thành phần Hội đồng nghiệm thu không có ủy viên phản biện.

d) Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án thực hiện qua hình thức xem xét hồ sơ, kiểm tra thực tế các hạng mục thực hiện tại đơn vị. Kết quả nghiệm thu được lập thành biên bản theo mẫu B24b-BBNTDA-BCT.

6. Đối với nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng, việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện như sau:

a) Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ, tổ chức chủ trì nhiệm vụ lập báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ theo nội dung thuyết minh đã được phê duyệt.

b) Hội đồng nghiệm thu có thành phần và nguyên tắc làm việc như các quy định tại các khoản 4 và khoản 5, Điều 34 Thông tư này. Thành phần Hội đồng nghiệm thu không có ủy viên phản biện.

c) Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện thông qua hình thức xem xét hồ sơ báo cáo, trường hợp cần thiết có thể tiến hành kiểm tra thực tế tại đơn vị. Kết quả nghiệm thu được lập thành biên bản theo mẫu B24c-BBNTNVTX-BCT.

Điều 34. Trình tự, thủ tục đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

1.[38] Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua hình thức tổ chức Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở và theo các nội dung, yêu cầu chung về sản phẩm của nhiệm vụ quy định tại khoản 7 Điều này. Tổ chức chủ trì vận dụng các quy định tại khoản 4 Điều này để tổ chức thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở, đảm bảo về thành phần tham gia nghiệm thu không trái với các quy định hiện hành.

b) Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được tổng hợp vào báo cáo theo mẫu quy định tại điểm h, khoản 2 Điều này.

[38] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

2.[39] Hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ bao gồm:

a) Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ của tổ chức chủ trì theo mẫu B29-CVNT-BCT;

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo mẫu B19-BCTK-BCT;

c) Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ;

d) Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì bao gồm: Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở; Biên bản họp Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở; Phiếu đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng tư vấn; Văn bản tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo của Ban chủ nhiệm nhiệm vụ trên cơ sở các ý kiến tư vấn, đánh giá của Hội đồng tư vấn;

đ) Các tài liệu khác (nếu cần thiết).

3.[40] Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Thời hạn nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu trong thời hạn chậm nhất 30 ngày trước thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có);

b) Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ Công Thương gồm: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 07 bản sao, trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN 6909:2001) và 01 bản điện tử các tài liệu của bộ hồ sơ gốc theo định dạng Microsoft Word.

c) Vụ Khoa học và Công nghệ xem xét sơ bộ về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì Vụ Khoa học và Công nghệ thông báo cho tổ chức chủ trì bổ sung theo đúng quy định.

4.[41] Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

a) Trên cơ sở hồ sơ hợp lệ, Vụ Khoa học và Công nghệ trình lãnh đạo Bộ Công Thương quyết định thành lập hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ (sau đây gọi là hội đồng).

---

[39] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[40] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[41] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

b) Hội đồng có từ 05 đến 09 thành viên bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác, là các nhà khoa học, nhà quản lý có năng lực, uy tín, am hiểu lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Những trường hợp không được tham gia hội đồng: Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ; Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích; Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác; Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

d) Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nhiệm vụ, lãnh đạo Bộ Công Thương có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với qui định tại điểm b, khoản 4 Điều này.

5.[42] Phiên họp của hội đồng đánh giá, nghiệm thu

a) Tài liệu đánh giá, nghiệm thu được quy định tại các khoản 2 Điều này được gửi đến các thành viên hội đồng và tổ chuyên gia (nếu có) trước phiên họp của hội đồng.

b) Phiên họp hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên hội đồng tham dự, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch (trong trường hợp chủ tịch vắng mặt).

c) Thành phần tham dự các phiên họp của hội đồng:

Thành viên hội đồng, chủ nhiệm nhiệm vụ, đại diện tổ chức chủ trì, đại diện cơ quan chủ quản, đại diện các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công Thương, các thành viên khác do Bộ Công Thương mời trong trường hợp cần thiết;

Vụ Khoa học và Công nghệ cử thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của hội đồng.

d) Chương trình họp hội đồng:

Thư ký khoa học công bố quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

Đại diện Vụ Khoa học và Công nghệ nêu những nội dung, yêu cầu chủ yếu đối với việc đánh giá, nghiệm thu quy định tại Thông tư này;

Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng. Trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt, chủ tịch hội đồng ủy quyền cho phó chủ tịch chủ trì phiên họp. Các thành viên hội đồng căn cứ các yêu cầu và nội dung đánh giá quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều này để tiến hành thảo luận, đánh giá nghiệm

[42] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

đ) Trình tự làm việc của hội đồng:

Chủ tịch hội đồng thống nhất và thông qua nội dung làm việc của hội đồng theo các quy định của Thông tư này;

Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ và báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;

Các thành viên hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ về kết quả và các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ. Chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân có liên quan trả lời các câu hỏi của hội đồng (nếu có);

Các ủy viên phản biện đọc nhận xét đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ; Ủy viên thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có);

Các thành viên hội đồng nêu ý kiến trao đổi về kết quả nhiệm vụ và bỏ phiếu đánh giá xếp loại nhiệm vụ theo mẫu B23a-PĐGNT-BCT; Ban kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu theo mẫu B23b-KPĐGNT-BCT;

Chủ tịch hội đồng dự thảo kết luận đánh giá của hội đồng. Trường hợp hội đồng đánh giá xếp loại "Không đạt" cần xác định rõ những nội dung đã thực hiện theo hợp đồng để Bộ Công Thương xem xét xử lý theo quy định hiện hành. Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản do thư ký khoa học lập theo mẫu B24a-BBNT-BCT.

e) Ý kiến kết luận của hội đồng được Vụ Khoa học và Công nghệ gửi cho tổ chức chủ trì để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

6. Yêu cầu đánh giá của hội đồng

a) Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua phiếu đánh giá có dấu treo của Bộ;

b) Các thành viên hội đồng đánh giá một cách độc lập, không trao đổi về kết quả đánh giá của mình;

c) Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu đánh giá đúng quy định cho từng nội dung đánh giá;

d) Phiếu không hợp lệ là phiếu do thành viên bỏ trống hoặc đánh giá không theo quy định;

đ) Kết quả xếp loại chung của nhiệm vụ dựa trên kết quả đánh giá của từng thành viên theo quy định.

7. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp Bộ

a) Nội dung đánh giá và yêu cầu về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lôgíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng …) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu

công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn); Số liệu, tư liệu có tính đại diện, tin cậy, cập nhật; Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

b) Nội dung đánh giá và yêu cầu về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm. Yêu cầu đối với từng loại sản phẩm như sau:

Đối với sản phẩm là: mẫu, vật liệu, thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ, giống cây trồng, giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

Đối với sản phẩm là: nguyên lý ứng dụng, phương pháp, tiêu chuẩn, quy phạm, phần mềm máy tính, bản vẽ thiết kế, quy trình công nghệ, sơ đồ, bản đồ số liệu, cơ sở dữ liệu, báo cáo phân tích, tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...), đề án, qui hoạch, luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập;

Đối với sản phẩm là: giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

8. Đánh giá và xếp loại đối với nhiệm vụ cấp bộ

a) Đánh giá của thành viên hội đồng:

Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: "Xuất sắc" khi vượt mức so với đặt hàng; "Đạt" khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; "Không đạt" khi không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng.

Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá theo 03 mức sau: "Xuất sắc" khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu; "Đạt" khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; "Không đạt" khi không thuộc hai trường hợp trên.

Đánh giá chung nhiệm vụ theo 03 mức sau: "Xuất sắc" khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức 'Xuất sắc" và Báo cáo tổng hợp đạt mức "Đạt" trở lên; "Đạt" khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức "Đạt" trở lên; ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức "Đạt" trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng), Báo cáo tổng hợp đạt mức "Đạt" trở lên; "Không đạt" khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

b) Đánh giá, xếp loại của Hội đồng:

Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”.

Mức "Không đạt" nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt.

Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ không thuộc hai trường hợp trên.

9. Tư vấn độc lập

a) Bộ Công Thương xem xét, quyết định việc tổ chức lấy ý kiến tư vấn độc lập trong các trường hợp sau:

Hội đồng không thống nhất về kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ;

Hội đồng vi phạm các quy định đánh giá, nghiệm thu tại Thông tư này;

Có khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động và kết luận của hội đồng trước khi quyết định công nhận kết quả.

b) Bộ Công Thương mời từ 01 đến 02 chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập là căn cứ bổ sung để Bộ Công Thương đưa ra các kết luận cuối cùng trước khi quyết định nghiệm thu.

c) Yêu cầu đối với chuyên gia tư vấn độc lập và thủ tục lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập như quy định tại Điều 24 Thông tư này.

d) Yêu cầu đối với tổ chức tư vấn độc lập: Là tổ chức có năng lực và kinh nghiệm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; có kinh nghiệm trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ hoặc sản xuất sản phẩm tương đương sản phẩm của nhiệm vụ; có đội ngũ cán bộ có trình độ cao về lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ.

10. Xử lý kết quả nghiệm thu cấp Bộ

a)[43] Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá xếp loại ở mức “Đạt” trở lên:

Sau khi có kết quả đánh giá cấp bộ, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến, kết luận của hội đồng, xây dựng báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ theo mẫu B32-BCHTHS-BCT gửi về Bộ Công Thương. Vụ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của nhiệm vụ, là cơ sở cho việc ký thanh lý hợp đồng theo quy định tại điểm đ, khoản 10 Điều này.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiến hành các thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành (nếu cần).

[43] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

b)[44] Trường hợp kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ xếp loại ở mức "Không đạt":

Nếu chưa được gia hạn trong quá trình thực hiện thì tổ chức chủ trì có thể được xem xét gia hạn thời gian thực hiện nhưng không quá 06 tháng;

Để được xem xét gia hạn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được hội đồng đánh giá kiến nghị gia hạn và tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có văn bản đề nghị (kèm theo hồ sơ, biên bản đánh giá cấp bộ và phương án xử lý) trình Bộ Công Thương;

Trên cơ sở công văn đề nghị của tổ chức chủ trì, Bộ Công Thương xem xét, thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá lại được thực hiện theo nội dung và trình tự của Thông tư này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Toàn bộ chi phí cho hoàn thiện các nội dung ghi trong hợp đồng, đánh giá lại và tổ chức xử lý vi phạm do tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm.

c) Bộ Công Thương căn cứ vào kết luận của hội đồng đánh giá, xem xét xử lý theo các quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN) và các quy định hiện hành có liên quan với các trường hợp sau:

Không được gia hạn theo quy định nêu tại điểm b, khoản 10 Điều này;

Được gia hạn theo quy định tại điểm b, khoản 10 Điều này nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức "Không đạt".

d) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có kết quả thực hiện nhiệm vụ bị đánh giá ở mức "Không đạt" hoặc không gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ về Bộ Công Thương theo đúng thời gian quy định sẽ bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ theo như các quy định tại Mục 3, Chương III Thông tư này về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Thanh lý hợp đồng

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ kết thúc, được hội đồng nghiệm thu cấp bộ đánh giá đạt yêu cầu và đơn vị, cá nhân chủ trì nhiệm vụ

[44] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

khoa học và công nghệ hoàn tất thủ tục đăng ký, lưu giữ kết quả nghiên cứu theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 37 Thông tư này, Vụ Khoa học và Công nghệ[45] thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Công Thương ký biên bản thanh lý hợp đồng theo mẫu B16b-BBTLHĐ-BCT.

Điều 35. Quyết toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ và xử lý số dư cuối năm

1. Việc quyết toán nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN và Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BTC). Thời hạn nộp báo cáo quyết toán hàng năm được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra quyết toán kinh phí của chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tổng hợp vào báo cáo quyết toán của tổ chức gửi Bộ Công Thương để xét duyệt theo quy định tại Thông tư số 01/2007/TT-BTC.

Điều 36. Xử lý và sử dụng kinh phí tiết kiệm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kinh phí tiết kiệm phải được tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phản ánh tại báo cáo quyết toán của từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Việc xử lý số kinh phí tiết kiệm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo các quy định hướng dẫn tại Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng số kinh phí tiết kiệm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các nguyên tắc quy định tại Điểm 7, Mục II, Thông tư số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN.

Mục 6

ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ, CÔNG NHẬN VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 37. Đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương xác nhận kết quả hoàn thiện hồ sơ sau nghiệm thu, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

[45] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

thực hiện việc đăng ký lưu giữ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và nộp bản xác nhận đăng ký kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Bộ Công Thương để thực hiện thanh lý hợp đồng theo đúng quy định.

2. Đơn vị giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Bộ Công Thương, hồ sơ bao gồm:

a) 02 bản báo cáo khoa học tổng kết đóng bìa cứng, trong đó cần có 02 trang tóm tắt kết quả nghiên cứu, và ngoài nội dung báo cáo tổng kết cần đính kèm các văn bản, quyết định có liên quan (Quyết định đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hợp đồng khoa học và công nghệ; Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu; Phiếu đánh giá và biên bản nghiệm thu cấp bộ; Các quyết định điều chỉnh và các biên bản kiểm tra định kỳ (nếu có));

b) Ngoài việc nộp hồ sơ bản giấy như trên, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đồng thời phải gửi kèm theo bản điện tử (ghi trên đĩa CD - Room hoặc USB) lưu trữ đầy đủ sản phẩm khoa học và các báo cáo chuyên đề. Việc bàn giao kết quả nghiên cứu được Vụ Khoa học và Công nghệ[46] lập thành biên bản có xác nhận của 02 bên;

c) Thời gian lưu giữ hồ sơ theo các quy định hiện hành.

3. Trường hợp đơn vị, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì phải chịu trách nhiệm và bị xử phạt theo các quy định hiện hành.

Điều 38. ***(Được bãi bỏ)***[47]

Điều 39. Công bố thông tin, chuyển giao kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc công bố thông tin, đăng ký ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

---

[46] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[47] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

2. Trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Vụ Khoa học và Công nghệ[48] có trách nhiệm định kỳ hàng năm phối hợp với tổ chức, đơn vị đã đăng ký và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiến hành khảo sát, đánh giá hiệu quả ứng dụng.

4. Các tổ chức, đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu có trách nhiệm báo cáo đánh giá hiệu quả ứng dụng theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương[49]

1. Vụ Khoa học và Công nghệ

a) Thống nhất quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học của Bộ Công Thương;

b) Chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này và định kỳ hàng năm báo cáo lãnh đạo Bộ;

c) Chủ trì xây dựng, quản trị và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, thực hiện các quy định về công bố thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng quy định hiện hành.

2. Vụ Tài chính

a) Chịu trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ tài chính và các quy định hiện hành cho các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ trong việc thẩm định nội dung, dự toán kinh phí; tham gia kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ trong việc tổng hợp và giao dự toán kinh phí, thẩm tra, quyết toán tài chính theo đúng các quy định hiện hành.

---

[48] Cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc Tổng cục Năng lượng (đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của Tổng cục Năng lượng)" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

[49] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

3. Văn phòng Bộ

a) Chịu trách nhiệm hướng dẫn việc giải ngân, thanh quyết toán kinh phí với đơn vị theo đúng tiến độ quyết toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với các đơn vị giao dự toán kinh phí qua Văn phòng Bộ);

b) Phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ trong việc kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi có yêu cầu;

c) Phối hợp với Vụ Tài chính, Vụ Khoa học và Công nghệ trong việc xét duyệt quyết toán năm ngân sách các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được giao cho các đơn vị (đối với các đơn vị giao dự toán kinh phí qua Văn phòng Bộ);

d) Chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Vụ Khoa học và Công nghệ làm việc với các cơ quan quản lý của Nhà nước trong các đợt thanh tra, kiểm tra (đối với các đơn vị giao dự toán kinh phí qua Văn phòng Bộ).

4. Các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Công Thương

a) Tích cực tham gia đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ sự phát triển của ngành Công Thương;

b) Phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan trong việc tuân thủ các quy định về hồ sơ, thủ tục, quy trình đề xuất, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và lãnh đạo Bộ Công Thương về tính hợp lý, hợp pháp về kết quả thực hiện và sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Phối hợp với cơ quan quản lý khoa học công nghệ thẩm định thuyết minh tổng thể nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trực tiếp quản lý việc triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm: giao nhiệm vụ, ký hợp đồng với các tổ chức hoặc cá nhân phối hợp; trình Bộ Công Thương kế hoạch lựa chọn nhà thầu, sửa chữa, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, hóa chất, dụng cụ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định; giám sát tiến độ và kiểm tra việc thực hiện, tổ chức nghiệm thu hàng năm và cấp cơ sở.

3. Được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình quản lý theo quy định của pháp luật và được sử dụng kinh phí quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo qui định hiện hành.

4. Khi cần thiết, kiến nghị Bộ Công Thương điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 38 Thông tư này về việc sử dụng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

6. Đối với kinh phí giao dự toán qua Văn phòng Bộ, sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu theo quy định, đơn vị thực hiện quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng dẫn của Văn phòng Bộ.

Điều 42. Trách nhiệm của cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao, sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước theo hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết.

2. Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn về nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm tạo ra và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ với đơn vị chủ trì thực hiện và cơ quan quản lý khoa học.

3. Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu cho công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm toán khi có yêu cầu.

4. Khi cần thiết, đề xuất thay đổi nội dung, địa điểm, kinh phí, thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với cơ quan chủ trì thực hiện và đơn vị quản lý trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chỉ được thực hiện những thay đổi này khi có sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị quản lý trực tiếp.

5. Phối hợp với các đơn vị, cá nhân có đủ điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành; được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình tạo ra theo quy định của pháp luật; được hưởng chế độ phụ cấp theo chế độ hiện hành.

6. Bàn giao nhiệm vụ chủ trì cho đơn vị chủ trì thực hiện khi có quyết định nghỉ hưu, chuyển công tác sang đơn vị khác.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng kinh phí và hoàn trả kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các trường hợp bị đình chỉ hoạt động hoặc hoặc nghiệm thu ở mức " Không đạt" theo đúng quy định hiện hành.

8. Thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và quy định hiện hành về việc công bố, sử dụng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 43. Hiệu lực thi hành[50]

---

[50] Điều 5 Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017 quy định như sau:

*"**Điều 5. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

2. Trong trường hợp các văn bản pháp lý dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay mới thì thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay mới tương ứng.

3. Đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Bộ Công Thương đặt hàng thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo các quy định của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./."

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 01 năm 2015.

2. Trong trường hợp các văn bản pháp lý dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay mới thì thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay mới tương ứng.

3. Đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, có thể vận dụng những quy định tại Thông tư này để quản lý và tổ chức thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 35 /VBHN-BCT

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng Website BCT);
- Vụ Pháp chế (để đăng Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật);
- Lưu: VT, KHCN.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Điều 37 Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020 quy định như sau:

"***Điều 37. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

2. Bãi bỏ các quy định sau:

a) Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 33/2016/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh.

b) Điều 4 Thông tư số 51/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

c) Khoản 20 Điều 1 Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

d) Điều 29 Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực.

3. Các chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Công Thương hiện hành phải đảm bảo thời gian chốt số liệu báo cáo theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để được hướng dẫn, giải quyết./."

Phụ lục[51]

DANH MỤC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương)

1. Biểu đề xuất kế hoạch khoa học công nghệ: B1-ĐXKH-BCT
2. Phiếu đề xuất đề tài, đề án: B2a-PĐXĐT-BCT
3. Phiếu đề xuất dự án sản xuất thử nghiệm: B2b-PĐXDASX-BCT
4. Phiếu đề xuất dự án khoa học công nghệ: B2c-PĐXDAKH-BCT
5. Phiếu đề xuất chương trình khoa học công nghệ: B2d-PĐXCT-BCT
6. Phiếu đề xuất nhiệm vụ hợp tác quốc tế: B2đ-PĐXHTQT-BCT
7. Phiếu đề xuất nhiệm vụ thông tin khoa học công nghệ: B2e-PĐXNVTT-BCT
8. Phiếu đề xuất dự án tăng cường trang thiết bị: B2g-PĐXTCTTB-BCT
9. Phiếu đề xuất dự án sửa chữa xây dựng nhỏ: B2h-PĐXSCXDN-BCT
10. Phiếu tư vấn đánh giá xác định nhiệm vụ: B4a-PĐGĐX-BCT
11. Bảng tổng hợp kiểm phiếu đánh giá xác định nhiệm vụ: B4b-BBKPĐG-BCT
12. Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ: B4c-BBXĐDM-BCT
13. Báo cáo đánh giá thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ: B5-BCĐX-BCT
14. Thuyết minh đề tài khoa học công nghệ: B6a-TMĐT-BCT
15. Thuyết minh đề án khoa học: B6b-TMĐA-BCT
16. Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm: B6c-TMDASX-BCT
17. Thuyết minh dự án khoa học và công nghệ: B6d-TMDAKH-BCT
18. Thuyết minh chương trình khoa học công nghệ: B6đ-TMCT-BCT
19. Thuyết minh chương trình khoa học công nghệ: B6đ-TMCT-BCT
20. Thuyết minh nhiệm vụ thông tin: B6e-TMNVTT-BCT
21. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ tham gia tuyển chọn: B7-DONTC-BCT
22. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ: B8-LLTC-BCT
23. Lý lịch khoa học của cá nhân: B9-LLCN-BCT
24. Giấy xác nhận phối hợp thực hiện: B10-PHTH-BCT
25. Phiếu đánh giá đề tài khoa học công nghệ: B12a-PĐGĐT-BCT

[51] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

26. Phiếu đánh giá đề án khoa học: B12b-PĐGĐA-BCT

27. Phiếu đánh giá dự án sản xuất thử nghiệm: B12c-PĐGDASX-BCT

28. Phiếu đánh giá chương trình khoa học công nghệ: 12d-PĐGCT-BCT

29. Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp: B13-BBKPĐG-BCT

30. Mẫu biên bản họp Hội đồng: B14a-BBTCĐTDA-BCT

31. Biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí: B15-BBTĐNV-BCT

32. Hợp đồng khoa học và công nghệ: B16a-HĐKHCN-BCT

33. Biên bản thanh lý Hợp đồng khoa học công nghệ: B16b-BBTLHĐ-BCT

34. Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện nhiệm vụ: B17-BCĐK-BCT

35. Biên bản kiểm tra thực hiện nhiệm vụ: B18-BBKT-BCT

36. Báo cáo tổng kết nhiệm vụ khoa học công nghệ: B19-BCTK-BCT

37. Phiếu nhận xét đánh giá, xếp loại nhiệm vụ: B23a-PĐGNT-BCT

38. Bản tổng hợp kiểm phiếu đánh giá nghiệm thu: B23b-KPĐGNT-BCT

39. Biên bản nghiệm thu nhiệm vụ khoa học công nghệ: B24a-BBNT-BCT

40. Biên bản nghiệm thu dự án tăng cường trang thiết bị, sửa chữa xây dựng nhỏ: B24b-BBNTDA-BCT

41. Biên bản nghiệm thu nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng: B24c-BBNTNVTX-BCT

42. Tờ trình phê duyệt dự án tăng cường trang thiết bị, sửa chữa xây dựng nhỏ: B25-TTDA-BCT

43. Mẫu tạm ứng kinh phí: B26-TUKP-BCT

44. Bảng xác nhận khối lượng công việc: B27-KLCV-BCT

45. Bảng kê chứng từ thanh toán: B28-BKTT-BCT

46. Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu: B29-CVNT-BCT

47. Báo cáo hoàn thiện hồ sơ sau nghiệm thu: B32-BCHTHS-BCT

48. Báo cáo tổng kết chương trình: B34-BCTKCT-BCT